

CHÍNH PHỦ
Số: 120/2005/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực cạnh tranh

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 07 năm 2002;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Nghị định này quy định việc xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định pháp luật về cạnh tranh.
- Hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh theo quy định của Nghị định này bao gồm:
 - Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, bao gồm hành vi vi phạm quy định về thoả thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, lạm dụng vị trí độc quyền và tập trung kinh tế;
 - Hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh;
 - Hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân sau:

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh (sau đây gọi là doanh nghiệp) và hiệp hội ngành nghề hoạt động ở Việt Nam (sau đây gọi là hiệp hội) được quy định tại Điều 2 của Luật Cạnh tranh.

2. Tổ chức, cá nhân khác thực hiện các hành vi được quy định tại Mục 5 Chương II của Nghị định này.

Điều 3. Nguyên tắc xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh

1. Việc xử lý hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

a) Mọi hành vi vi phạm phải được phát hiện kịp thời. Việc xử lý hành vi vi phạm phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do hành vi vi phạm gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật;

b) Việc xử lý hành vi vi phạm phải tuân theo các trình tự, thủ tục trong tổ tụng cạnh tranh được quy định tại chương III của Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh và các quy định tại Nghị định này;

c) Việc xử lý hành vi vi phạm phải do người có thẩm quyền tiến hành theo đúng thẩm quyền do pháp luật quy định;

d) Một hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh chỉ bị xử lý một lần; một doanh nghiệp thực hiện nhiều hành vi vi phạm thì bị xử lý đối với từng hành vi vi phạm;

đ) Không tiến hành xử lý hành vi vi phạm theo quy định của Nghị định này đối với những hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm.

2. Việc xử lý hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh phải tuân theo các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều này và Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Việc xử lý hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác phải tuân theo các nguyên tắc được quy định tại Điều 3 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh

1. Hình thức xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh bao gồm các hình thức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Đối với mỗi hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

3. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về cạnh tranh còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh.

4. Ngoài các hình thức xử phạt quy định tại khoản 2 và 3 Điều này, doanh nghiệp vi phạm pháp luật về cạnh tranh còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc cơ cấu lại doanh nghiệp lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường;

b) Buộc chia, tách doanh nghiệp đã sáp nhập, hợp nhất; buộc bán lại phần doanh nghiệp đã mua;

c) Buộc cải chính công khai;

d) Buộc loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng hoặc giao dịch kinh doanh;

đ) Buộc sử dụng hoặc bán lại các sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đã mua nhưng không sử dụng;

e) Buộc loại bỏ những biện pháp ngăn cản, kìm hãm doanh nghiệp khác tham gia thị trường hoặc phát triển kinh doanh;

g) Buộc khôi phục các điều kiện phát triển kỹ thuật, công nghệ mà doanh nghiệp đã cản trở;

h) Buộc loại bỏ các điều kiện bất lợi đã áp đặt cho khách hàng;

i) Buộc khôi phục lại các điều khoản hợp đồng đã thay đổi mà không có lý do chính đáng;

k) Buộc khôi phục lại hợp đồng đã huỷ bỏ mà không có lý do chính đáng.

Điều 5. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh

1. Đối với hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh, cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm có thể phạt tiền theo các mức cụ thể được quy định tại Mục 1, 2 và 3 Chương II của Nghị định này nhưng tối đa đến 10% tổng doanh thu của doanh nghiệp vi phạm trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi vi phạm.

Trường hợp doanh nghiệp vi phạm mới thành lập và hoạt động chưa đủ một năm tài chính, tổng doanh thu trong năm tài chính trước năm thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản này được xác định là tổng doanh thu của doanh nghiệp kể từ ngày thành lập cho đến ngày ra quyết định điều tra chính thức về hành vi vi phạm.

2. Đối với các hành vi vi phạm quy định về cạnh tranh không lành mạnh và hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành phạt tiền theo các mức cụ thể quy định tại Mục 4 và 5 Chương II của Nghị định này.

Điều 6. Bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh gây ra

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác thì phải bồi thường.

2. Việc bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo các quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 7. Căn cứ xác định mức độ xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh

Khi xác định mức độ xử lý đối với từng hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh, cơ quan có thẩm quyền có quyền căn cứ vào một hoặc một số yếu tố sau đây:

1. Mức độ gây hạn chế cạnh tranh do hành vi vi phạm gây ra.
2. Mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra.
3. Khả năng gây hạn chế cạnh tranh của các đối tượng vi phạm.
4. Thời gian thực hiện hành vi vi phạm.
5. Khoản lợi nhuận thu được từ việc thực hiện hành vi vi phạm.

6. Các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 8 của Nghị định này.

Điều 8. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng

1. Đối với hành vi vi phạm quy định về kiểm soát hành vi hạn chế cạnh tranh và cạnh tranh không lành mạnh, cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng quy định tại mục 6 chương III của Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh.

2. Đối với các hành vi vi phạm quy định pháp luật về cạnh tranh khác, cơ quan có thẩm quyền có thể áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 8 và 9 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 9. Thời hiệu khiếu nại vụ việc cạnh tranh, thời hiệu ra quyết định điều tra trong trường hợp cơ quan quản lý cạnh tranh phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về cạnh tranh

1. Thời hiệu khiếu nại vụ việc cạnh tranh, thời hiệu ra quyết định điều tra trong trường hợp cơ quan quản lý cạnh tranh phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật về cạnh tranh theo quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật Cạnh tranh là 2 năm kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện.

2. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều này mà tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử lý của cơ quan có thẩm quyền thì thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều này được tính lại kể từ thời điểm thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về cạnh tranh mới hoặc thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử lý.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ CẠNH TRANH,

HÌNH THỨC VÀ MỨC ĐỘ XỬ LÝ

Mục 1

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THOẢ THUẬN

HẠN CHẾ CẠNH TRANH